

Bản án số: 133/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-11-2020
V/v tranh chấp “Ly hôn, giữa
ông V và bà S”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nga

2- Ông Văn Phú Hiền

- Thư ký Tòa án: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 143/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1969, có mặt

Địa chỉ: Số 127 đường Nguyễn Bình Khiêm, khu phố 7, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1978, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 4A, xã HH, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19-8-2019, biên bản lấy lời khai ngày 28-10-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Ông V đăng ký kết hôn với bà Trần Thị S tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 27-12-2001 (Giấy đăng ký số 028). Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bà S ngoại tình và có 02 con riêng với người khác. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã và sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Ông V thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn bà S.

Về nuôi con chung: Không có

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 20-02-2020, biên bản hòa giải ngày 06-8-2020 bị đơn Trần Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Bà S thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như ông Nguyễn Văn V trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, ông V đi làm không đưa tiền cho bà S. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Sau đó, ông V biết bà S ngoại tình với người đàn ông khác và có 02 con riêng nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà S đồng ý ly hôn ông V. Tại biên bản hòa giải ngày 29-9-2020, bà S thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng nhưng do bà S có đạo thiên chúa nên không được ly hôn, do đó bà S không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Không có.

Về chia tài sản chung: Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 20-02-2020 và biên bản hòa giải ngày 06-8-2020, bà S yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm nhà đất và giá trị tài sản trên đất. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 29-9-2020 bà S không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, chấp nhận cho ông V ly hôn bà S; về nuôi con chung, không có; về chia tài sản chung ông V không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[2] *Về tố tụng:*

[2.1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại xã HH, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà

Rịa-Vũng Tàu theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] *Về xét xử vắng mặt*: Bà Trần Thị S là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị S là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, đến khoảng năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông V nghi ngờ bà S ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến năm 2019, ông V cho xét nghiệm ADN đối với 02 con chung thì phát hiện không phải con của mình nên ông làm đơn yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa, ông vẫn giữ yêu cầu ly hôn bà S. Tại biên bản hòa giải ngày 29-9-2020, bà S thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng nhưng do bà theo đạo thiên chúa không được ly hôn nên bà không đồng ý ly hôn. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng là có thật, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho ông V ly hôn bà S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về nuôi con chung*: Không có, nên không xem xét.

[3.3] *Về chia tài sản chung*: Ông V không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X về hôn nhân, về nuôi con chung, về chia tài sản chung là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân*: Cho ông Nguyễn Văn V ly hôn bà Trần Thị S.
2. *Về nuôi con chung*: Không có
3. *Về chia tài sản chung*: Ông V không yêu cầu nên không xem xét.
4. *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0000390

ngày 19-8-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X; ông V đã nộp đủ; bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- THA huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trần Hiển

